

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện
Đề án “Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao
giá trị gia tăng và phát triển bền vững”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành chương trình hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” theo Quyết định số 899/ QĐ-TTg ngày 10 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Chỉ thị số 2039/CT-BNN-KH ngày 20/6/2013 của Bộ nông nghiệp và PTNT về triển khai Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 927/TTr-SNN ngày 11 tháng 9 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Đề án “ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. MỤC TIÊU:

1. Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án “ Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” (gọi tắt là Đề án) của bộ Nông nghiệp và PTNT phù hợp với điều kiện thực tiễn của Quảng Trị theo định hướng:

- Chuyển hướng tăng trưởng nông nghiệp từ chiều rộng (tăng vụ, tăng diện tích, chất lượng sản phẩm hàng hóa còn thấp, vùng sản xuất nhỏ lẻ phân tán, gây ô nhiễm môi trường, nguồn nước) sang hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, hình thành các vùng SX hàng hóa tập trung gắn với nhà máy chế

biển và thị trường tiêu thụ. Phân đầu tốc độ tăng trưởng ngành nông nghiệp thời kỳ 2011-2020 đạt bình quân 3,5 – 4,0%/năm.

- Tăng thu nhập cho người sản xuất nông nghiệp trên cơ sở tạo điều kiện thuận lợi cho tất cả các thành phần kinh tế ở nông thôn, nhất là nhóm hộ nghèo và cận nghèo, người dân ở vùng sâu, vùng xa tham gia vào các chuỗi sản xuất nông sản hàng hóa.

- Giảm thiểu tác động bất lợi về môi trường do thiếu kiểm soát chặt chẽ việc khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai xây dựng và thực hiện Đề án.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU:

1. Tuyên truyền, phổ biến và quán triệt chủ trương, nội dung đề án.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động sâu rộng trong nhân dân về nội dung của Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững” (gọi tắt là Đề án) của Bộ Nông nghiệp và PTNT; chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước và của tỉnh về xây dựng nông thôn mới,

2. Tiếp tục hoàn thiện quy hoạch và chiến lược phát triển ngành:

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Chương trình hành động thực hiện chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020; Chương trình hành động thực hiện chiến lược phát triển bền vững giai đoạn 2013-2015; Chương trình kế hoạch hành động phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh và ứng phó với biến đổi khí hậu... làm cơ sở điều chỉnh chiến lược tái cơ cấu nông nghiệp phù hợp.

- Hoàn thiện Quy hoạch ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020.

- Giai đoạn 2013 - 2015, triển khai chiến lược tăng trưởng xanh của ngành; từng bước chuyển từ sản phẩm có giá trị thấp và tiềm năng thị trường thấp sang sản phẩm có giá trị cao và tiềm năng thị trường cao với các nội dung trọng tâm:

+ Quyết định danh mục cây trồng, con nuôi chủ lực của tỉnh làm cơ sở xây dựng cơ chế chính sách phát triển một số cây trồng, vật nuôi hàng hóa có giá trị kinh tế cao của tỉnh.

+ Xây dựng đề án phát triển vùng trọng điểm sản xuất lúa chất lượng cao hàng hoá theo mô hình “cánh đồng mẫu lớn”.

+ Xây dựng đề án phát triển chuỗi giá trị sản xuất cho các vùng vùng sản phẩm chuyên canh, tập trung của tỉnh gồm: vùng lạc, vùng hồ tiêu, vùng cà phê, vùng cao su, vùng sản nguyên liệu, vùng ngô, vùng cây ăn quả, vùng rau hoa

+ Xây dựng đề án ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp.

+ Xây dựng đề án phát triển vùng chăn nuôi tập trung quy mô trang trại, gia trại theo hướng an toàn sinh học, đảm bảo chất lượng con giống và nguồn cung cấp thức ăn tại chỗ cho vật nuôi.

- Hoàn thiện kế hoạch chiến lược về đổi mới, phát triển HTX theo tinh thần NQ 13 TW và Luật HTX 2012; phát triển các loại hình hợp tác sản xuất trong nông thôn, nhất là loại hình kinh tế trang trại; phát triển kinh tế hộ gia đình

- Rà soát, đánh giá lại các quy hoạch:

+ Quy hoạch chuyển đổi rừng và đất lâm nghiệp sang trồng cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2020: (Quyết định số 872/QĐ-UBND ngày 22/5/2013).

+ Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ phát triển rừng tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2011-2020 (Quyết định số 2183/QĐ-UBND ngày 9/11/2012).

+ Quy hoạch và đề án xây dựng nông thôn mới cấp xã.

+ Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn quảng trị đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020

3. Tái cơ cấu trong các lĩnh vực cụ thể

3.1. Trồng trọt:

Đảm bảo vững chắc an ninh lương thực cả trước mắt và lâu dài, duy trì diện tích gieo trồng lúa 2 vụ ổn định trong tỉnh 47- 48 nghìn ha/năm, sản lượng lương thực ổn định trong khoảng 23-23,5 vạn tấn/năm. Tăng diện tích vùng lúa chất lượng cao lên khoảng 15.000 ha vào năm 2015 và khoảng 18.000 - 20.000 ha vào năm 2020; ổn định và thâm canh diện tích trồng sản hiện có. Chuyển một phần diện tích lúa không hiệu quả sang sản xuất các loại cây trồng con nuôi khác có hiệu quả hơn nhưng không làm mất đi kết cấu hiện trạng của vùng lúa. Phát triển mạnh các loại cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao như cao su, cà phê, hồ tiêu. Đến năm 2020, diện tích cây cao su đạt 36.500 ha, diện tích cây hồ tiêu đạt 3.000 ha, cây cà phê 5.500 ha. Cụ thể:

- Ổn định diện tích, nâng cao năng suất, chất lượng, sản lượng cây lương thực có hạt. Áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác tiên tiến, các biện pháp quản lý cây trồng tổng hợp, xây dựng cánh đồng mẫu lớn, xây dựng thương hiệu gạo chất lượng cao của tỉnh Quảng Trị.

- Xây dựng và mở rộng các vùng chuyên canh cây cao su, hồ tiêu theo quy hoạch. Thực hiện phục hồi và trồng mới cây hồ tiêu, ổn định diện tích và tái canh cây cà phê. Đầu tư thâm canh, áp dụng đồng bộ các biện pháp kỹ thuật tổng hợp, phục tráng giống, sử dụng giống mới nhằm nâng cao năng suất cây công nghiệp dài ngày lên gấp 1,5 lần so với năm 2008. Chú trọng đến khâu thu hoạch và chế biến sản phẩm nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị diện tích.

3.2. Chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp, bán công nghiệp, quy mô trang trại tập trung, gia trại gắn với an toàn sinh học. Tăng tỷ trọng chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 25-30% vào năm 2015 khoảng 40% vào năm 2020. Trọng tâm phát triển chăn nuôi theo hướng công nghiệp và bán công nghiệp bảo đảm an toàn sinh học và vệ sinh môi trường. Cụ thể:

- Phát triển chăn nuôi tập trung, trang trại, gia trại; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; tăng cường dịch vụ thú y; áp dụng hệ thống quản lý kiểm

soát nguy cơ ô nhiễm đất và nước từ chất thải chăn nuôi và phát triển nguồn năng lượng tái tạo từ các phụ phẩm của ngành chăn nuôi; quản lý vùng nuôi an toàn về môi trường.

- Chuyên sản xuất chăn nuôi gắn liền với tiêu thụ sản phẩm theo chu trình khép kín để gia tăng giá trị. Hình thành công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi, kho lạnh bảo quản và xây dựng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi trong chuỗi tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

3.3. Lâm nghiệp:

Xây dựng lâm nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hoá lớn. Phát huy các lợi thế so sánh, áp dụng khoa học công nghệ để tăng năng suất chất lượng, hiệu quả trong lâm nghiệp. Đưa độ che phủ của rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2015 đạt 50% và giữ ổn định đến năm 2020. Quản lý, bảo vệ toàn bộ diện tích rừng tự nhiên và rừng trồng, phát triển và sử dụng hợp lý tài nguyên rừng và đất lâm nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hoá có giá trị gia tăng cao và thu nhập từ rừng, bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu; huy động sự tham gia rộng rãi, tích cực của các thành phần kinh tế vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp để phát triển kinh tế, xã hội, xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho người dân nông thôn, miền núi và góp phần giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Đến năm 2020, Diện tích được cấp chứng chỉ rừng bền vững (FSC) khoảng 42.000 ha. Cụ thể:

- Phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững, gắn với tiến trình xây dựng nông thôn mới, quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn hài hoà, đồng bộ về mặt môi trường sinh thái.

- Tăng cường chức năng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ cho các công trình thủy điện, thủy lợi, phòng hộ vùng cát ven biển; bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan; Bảo tồn đa dạng sinh học của các khu rừng đặc dụng, tổ chức và đẩy mạnh việc nghiên cứu khoa học, du lịch sinh thái.

- Điều chỉnh cơ cấu giống cây lâm nghiệp theo hướng trồng cây gỗ lớn, đa mục tiêu tạo điều kiện tăng thu nhập cho người làm nghề rừng.

- Xây dựng và ổn định vùng trồng rừng nguyên liệu thâm canh tập trung, tạo ra giá trị gia tăng cao từ rừng sản xuất, đáp ứng nhu cầu gỗ nguyên liệu cho chế biến và tiêu dùng, hướng đến xuất khẩu.

- Mạng lưới sản xuất, chế biến lâm sản được tái cơ cấu, bố trí, sắp xếp, phát triển tương xứng giữa nguồn nguyên liệu và công suất chế biến.

3.4. Thủy sản:

Phát triển thủy sản trở thành ngành kinh tế mạnh chiếm trên 30% giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp vào năm 2020. Khai thác thế mạnh về kinh tế biển, chú trọng phát triển nuôi trồng, khai thác xa bờ; tổ chức lại sản xuất, các dịch vụ hậu cần nghề cá. Phân đầu sản lượng thủy sản vào năm 2015 đạt 32 - 33 nghìn tấn, năm 2020 đạt khoảng 38 nghìn tấn. Cụ thể:

- Tiếp tục rà soát triển khai quy hoạch tổng thể ngành, quy hoạch chi tiết các vùng nuôi tập trung với các đối tượng nuôi chủ lực để tạo ra sản phẩm hàng

hoá; chuyển đổi các vùng đất lúa 1 vụ năng suất thấp, đất bãi bồi ven sông, đất hoang hoá sang nuôi trồng thủy sản. Gắn hoạt động quy hoạch NTTS với sản xuất nông nghiệp để có sự hỗ trợ lẫn nhau trong việc cấp nước ngọt, thoát lũ, kết hợp trồng rừng phòng hộ từng bước tái tạo hệ sinh thái rừng ngập mặn

- Từng bước hiện đại hoá đội tàu khai thác hải sản của tỉnh, hoàn thiện cơ sở hạ tầng và hậu cần dịch vụ, xây dựng các tụ điểm nghề cá, đảm bảo đủ điều kiện tham gia khai thác vùng biển xa bờ và nhất là vùng đánh cá chung trong hiệp định nghề cá giữa Việt Nam và Trung Quốc, giảm dần số lượng tàu thuyền nhỏ khai thác ở vùng biển gần bờ.

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản thành ngành sản xuất hàng hoá, tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích, chú trọng những đối tượng nuôi có lợi thế so sánh, thị trường tiêu thụ tốt, tạo thêm việc làm, nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, góp phần tăng thu nhập cho nông ngư dân.

- Đẩy mạnh chế biến thủy sản để gia tăng giá trị sản phẩm.

3.5. Thủy lợi:

Phát triển thủy lợi theo định hướng hiện đại hóa, tăng dần mức đảm bảo phục vụ cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, nông nghiệp, du lịch, dịch vụ ..., đảm bảo an ninh lương thực và phục vụ sản xuất nông nghiệp hàng hóa nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững, xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2015 đảm bảo tưới, tiêu chủ động 85% diện tích lúa, tiến tới đảm bảo tưới, tiêu chủ động cho 100% diện tích lúa vào năm 2020. Nâng tần suất đảm bảo tưới của công trình lên 85%. Cụ thể:

- Tiếp tục hoàn chỉnh, nâng cấp hệ thống thủy lợi; rà soát, điều chỉnh nhiệm vụ những công trình phục vụ đa mục tiêu còn khả năng về nguồn nước để tăng hiệu quả phục vụ.

- Đảm bảo dòng chảy tối thiểu, đẩy mạnh là vấn đề ưu tiên góp phần phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện hiệu quả với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

- Từng bước nâng cao khả năng chống lũ, bão, triều của các tuyến đê cửa sông, đê biển.

3.7. Công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu:

Tiếp tục thực hiện Chương trình kế hoạch hành động phòng chống giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 của tỉnh nhằm chủ động phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; đối phó hữu hiệu với thiên tai, từng bước phấn đấu hạn chế tối đa ảnh hưởng của thiên tai xảy ra trên địa bàn; hạn chế đến mức thấp nhất do thiên tai gây ra.

3.8. Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới:

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng phù hợp với bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới, bảo đảm cho người dân nông thôn tiếp cận tốt các dịch vụ xã hội và phúc lợi công cộng. Đổi mới và phát triển các loại hình kinh tế nông thôn, củng cố và phát triển kinh tế hợp tác. Phấn đấu đến năm 2015 có trên 20% số xã đạt tiêu chí quốc gia về nông thôn mới. Cụ thể:

- Huy động mọi nguồn lực để thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, tạo bước chuyển biến sâu sắc, toàn diện kinh tế nông thôn.

- Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của dân cư nông thôn: Y tế, văn hóa, nước sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, an ninh trật tự ở nông thôn...

3.9. Phát triển các loại hình kinh tế trong nông thôn:

- Phát triển đa dạng các hình thức kinh tế tập thể trong tất cả các ngành, lĩnh vực và địa bàn góp phần giảm nghèo, tạo thêm nhiều việc làm, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của các thành viên và cộng đồng dân cư địa phương; Tập trung củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động các Hợp tác xã trong các lĩnh vực. Mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ, tiêu thụ nông sản, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Phát triển đa dạng các loại hình trang trại ở tất cả các vùng, các địa phương trong tỉnh. Khai thác có hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh về đất đai, nguồn lực. Ưu tiên phát triển trang trại theo hướng thâm canh. Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp. Tăng cường các biện pháp ứng dụng khoa học, công nghệ mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với vùng, miền.

III GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

1. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và người dân trên địa bàn:

- Tổ chức Hội nghị phổ biến Đề án và kế hoạch hành động thực hiện Đề án đến các cơ quan, đơn vị, địa phương và nhân dân trong tỉnh

- Các cơ quan truyền truyền, báo chí đưa tin và phổ biến Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Về cơ chế chính sách:

- Xây dựng cơ chế, chính sách huy động các nguồn lực thực hiện Đề án. Các sở, ban ngành có liên quan xây dựng, trình UBND tỉnh quyết định các cơ chế chính sách, tạo động lực cho Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững như chính sách hỗ trợ bù lãi suất đối với phát triển cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh, chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia hợp tác sản xuất, liên kết để thực hiện các mô hình theo hướng canh đồng mẫu lớn, cơ chế, chính sách khuyến khích và huy động các nguồn lực hỗ trợ cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Thu hút các nguồn vốn ODA, FDI, NGO và nguồn vốn khác vào xây dựng NTM.

- Xây dựng cơ chế ưu đãi đặc biệt để thu hút đầu tư tư nhân vào sản xuất nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản; hỗ trợ hạ tầng để phát triển các cụm nông-công nghiệp-dịch vụ tại các vùng chuyên canh

3. Về khoa học công nghệ

Đẩy mạnh thực hiện các chương phát triển nông nghiệp hàng hoá của tỉnh, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, máy móc vào sản xuất, tăng cường công tác

tập huấn, chuyên giao khoa học kỹ thuật cho nông dân; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, chuyển giao công nghệ để đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật hoạt động sản xuất, kinh doanh... nhằm khai thác có hiệu quả, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của các vùng, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; hướng tới nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá

Tăng cường công tác đào tạo nguồn lực, áp dụng khoa học công nghệ: cá chiều rộng lẫn chiều sâu về trình độ chuyên môn, quản lý, cán bộ khuyến nông - khuyến lâm cơ sở, cán bộ quản lý ở các địa bàn ngày càng đáp ứng theo nhu cầu phát triển. Có chính sách ưu tiên trong đội ngũ khoa học, cán bộ chuyên môn về quê hương phục vụ và đội ngũ cán bộ cho vùng sâu vùng xa.

Xây dựng chính sách khuyến khích nghiên cứu, xã hội hóa trong nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường khoa học công nghệ;

4. Về nhân lực

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về giải quyết việc làm; tạo điều kiện về vốn, môi trường, kinh nghiệm, thông tin thị trường cho người lao động thông qua các chương trình khuyến công, khuyến nông khuyến lâm, khuyến ngư. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển để tạo thêm nhiều việc làm mới, thu hút lao động.

- Tăng cường đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Đề án 1956 của Thủ tướng chính phủ đáp ứng về nhu cầu, đảm bảo chất lượng và việc làm lao động nông thôn sau học nghề.

- Tiếp tục tăng cường tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ ngành nông nghiệp và đội ngũ khuyến nông viên cấp xã, nghiệp vụ công tác Khuyến nông, các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi, trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản v.v.

- Tăng cường công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng chuyên môn cán bộ xã để cập nhật kiến thức thường xuyên. Quan tâm tuyển sinh đào tạo cho người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, đào tạo cán bộ theo địa chỉ sử dụng cho khu vực miền núi.

5. Về tăng cường hợp tác và phát triển thị trường

- Tiếp tục tranh thủ và kêu gọi hợp tác quốc tế các chương trình dự án NGO như: Chứng chỉ rừng cho Dịch vụ hệ sinh thái- FORCES (quỹ môi trường toàn cầu GEF), Dự án phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ (gọi tắt là Dự án JICA2), các dự án về biến đổi khí hậu (OXFAM), cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA) về hỗ trợ xây dựng mô hình nông thôn mới tại một số xã điểm của tỉnh.

- Tổ chức các đoàn đi tiếp xúc, quảng bá, vận động đầu tư, nghiên cứu thị trường, tham gia hội thảo, hội chợ, triển lãm...trong và ngoài nước nhằm mở rộng và phát triển kinh tế đối ngoại.

- Tăng cường hợp tác liên kết nhất là với các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, các thành phố lớn nhằm khai thác các tiềm năng, lợi thế trên tuyến hành lang kinh tế Đông - Tây và mở rộng thị trường trong nước;

- Phát triển thị trường hàng hóa, dịch vụ; nâng cao chất lượng sản phẩm và thương hiệu hàng hóa. Tăng cường xúc tiến thương mại, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu; mở rộng thị trường nông thôn, nhất là ở miền núi, vùng ven biển, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích liên kết kinh tế giữa các cơ sở sản xuất nguyên liệu, chế biến và tiêu thụ sản phẩm;

IV. TÒ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban ngành, đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ nội dung của Kế hoạch hành động, định kỳ hàng năm báo kết quả thực hiện về UBND tỉnh và Bộ Nông nghiệp và PTNT.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch; Khen thưởng và đề xuất UBND tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân, đơn vị thực hiện tốt Kế hoạch hành động này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ban, ngành, địa phương tham mưu cho UBND tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước trong kế hoạch hàng năm và dài hạn thực hiện các nhiệm vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp; chính sách thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước cho nông nghiệp, nông thôn; cơ chế, chính sách phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia của nhà nước và tư nhân.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Cân đối, ưu tiên hỗ trợ kinh phí từ nguồn sự nghiệp khoa học, quỹ phát triển khoa học công nghệ của tỉnh hỗ trợ ngành nông nghiệp thực hiện kế hoạch này.

4. Sở Công Thương

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu UBND tỉnh các chính sách thương mại tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu nông sản và bảo vệ sản xuất trong nước, phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản gắn với sản xuất công nghiệp.

Kiểm soát chặt chẽ, xử lý nghiêm hoạt động buôn lậu và gian lận trong thương mại hàng nông, lâm, thủy sản.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các địa phương rà soát, kiểm soát chặt chẽ quy hoạch và quản lý, thực hiện quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (đặc biệt là đất lúa) và đề xuất các chính sách liên quan đến đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học theo hướng tạo thuận lợi cho nông nghiệp, nông thôn phát triển bền vững.

6. Sở Y tế

Phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong quá trình triển khai Luật an toàn thực phẩm; chỉ đạo các địa phương xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược an ninh dinh dưỡng và vệ sinh môi trường nông thôn.

7. Ngân hàng Nhà nước tỉnh Quảng Trị

Chỉ đạo các tổ chức tín dụng ưu tiên tập trung vốn phục vụ lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; tích cực triển khai các chương trình tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

8. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

- Triển khai rà soát, điều chỉnh quy hoạch, cơ cấu sản xuất theo hướng tập trung phát triển cây trồng, vật nuôi là lợi thế của địa phương, có khả năng cạnh tranh phù hợp với quy hoạch phát triển của ngành và nhu cầu thị trường; xây dựng mô hình sản xuất và các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển phù hợp, hiệu quả.

- Nghiên cứu cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phù hợp với tiềm năng, lợi thế và nhu cầu của địa phương để thu hút vốn đầu tư xã hội cho phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

Các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện căn cứ vào nội dung kế hoạch hành động này và chức năng nhiệm vụ của mình, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan để xây dựng kế hoạch cụ thể theo từng lĩnh vực đảm bảo thực hiện kịp thời có hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông nghiệp trước ngày 30 tháng 11 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TVTU, TT/HDND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Cường